

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS-ST
Ngày: 22 – 3 – 2021
V/v tranh chấp về hợp đồng dân
sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

2. Ông Ngô Văn Khon.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1958.

Địa chỉ cư trú: Số ***, ấp T, xã TT, huyện TB, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Anh Lê Hoàng T, sinh năm 1977.

Địa chỉ cư trú: Số ***, ấp T, xã TT, huyện TB, tỉnh ĐT.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Châu Thị T1, sinh năm 1977.

Địa chỉ cư trú: Số ***, ấp T, xã TT, huyện TB, tỉnh ĐT.

Ông Nguyễn Hoàng P, chị Châu Thị T1 có mặt tại phiên tòa.

Anh Lê Hoàng T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng P trình bày:

Ông Nguyễn Hoàng P có cho chị Châu Thị T1 vay 4.000.000 đồng

(không nhớ rõ thời gian vay), anh Lê Hoàng T vay 5.000.000 đồng (không nhớ rõ thời gian vay), tổng cộng là 9.000.000 đồng. Đến ngày 29/3/2015 âm lịch (ngày 27/5/2015 dương lịch), hai bên có làm giấy Đề nghị xin vay vốn 29/3/2015 và Biên nhận ngày 29/3/2015 thể hiện anh Lê Hoàng T và chị Châu Thị T1 có vay của ông Nguyễn Hoàng P số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng), lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay 01 năm.

Ông P đã giao cho anh T và chị T1 số tiền 9.000.000 đồng. Sau khi vay, anh T và chị T1 đã trả cho ông P 02 tháng tiền lãi, với số tiền là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng). Đến khoảng 5/2018, anh T và chị T1 tiếp tục trả thêm tiền lãi cho ông P là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), tổng cộng số tiền lãi ông P đã nhận là 4.900.000 đồng (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng). Đối với số tiền lãi đã nhận ông P không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Hoàng P yêu cầu anh Lê Hoàng T và chị Châu Thị T1 liên đới trả cho ông P số tiền vốn là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

- Bị đơn anh Lê Hoàng T không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Châu Thị T1 trình bày:

Chị T1 thông nhất, anh T và chị T1 có vay của ông P số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng), lãi suất 10%/tháng, không xác định thời hạn trả. Chị T1 và anh T đã nhiều lần trả tiền lãi cho ông P nhưng không xác định được số tiền cụ thể là bao nhiêu.

Nay, chị Châu Thị T1 đồng ý liên đới với anh T trả cho ông P số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Châu Thị T1 đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, đối với bị đơn anh Lê Hoàng T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng P.

Buộc anh Lê Hoàng T và chị Châu Thị T1 liên đới trả cho ông Nguyễn Hoàng P số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Văn bản có tiêu đề Đề nghị xin vay vốn (Một phần photo, một phần viết, chữ viết mực màu xanh, đề ngày 29/3/2015 âm lịch, do Lê Hoàng T, Châu Thị T1 ký tên).
- Biên bản hòa giải ngày 25/02/2020 (Bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng P và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Hoàng T và chị Châu Thị T1 cư trú tại Số ***, ấp T, xã TT, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Hoàng T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Hoàng P và anh Lê Hoàng T, chị Châu Thị T1 theo Giấy đề nghị xin vay vốn 29/3/2015 và Biên nhận ngày 29/3/2015.

Xét thấy, sau khi thống nhất, ông Nguyễn Hoàng P và anh Lê Hoàng T, chị Châu Thị T1 xác lập hợp đồng vay tài sản và có làm giấy đề nghị xin vay vốn 29/3/2015, Biên nhận ngày 29/3/2015. Tại thời điểm xác lập Hợp đồng, ông P và anh T, chị T1 có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật. Do đó, khi xác lập Hợp đồng thì ông P và anh T, chị T1 đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hợp đồng vay tài sản giữa ông P và anh T, chị T1 có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 122, Điều 471 của Bộ luật dân sự 2005.

[2.2] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng P về việc yêu cầu anh Lê Hoàng T và chị Châu Thị T1 liên đới trả cho ông P số tiền vốn là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

Xét thấy, sau khi xác lập Hợp đồng vay và tại Biên nhận ngày 29/3/2015 thể hiện anh T và chị T1 đã nhận của ông P số tiền 9.000.000 đồng. Sau khi vay, ông P đã nhiều lần yêu cầu anh T và chị T1 trả khoản tiền vay nhưng anh T và

chị T1 không trả.

Tại Biên bản hòa giải 25/02/2020 của UBND xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình, chị T1 xác định có vay của ông P số tiền 9.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, đã trả lãi (không xác định số tiền đã trả) và trả cho ông P số tiền vốn là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Tuy nhiên, theo Thông báo số: 121/TB-TA ngày 30/11/2010, Tòa án yêu cầu anh T và chị T1 cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nhưng đến nay anh T và chị T1 không cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa, ông P xác định, từ khi vay đến nay anh T và chị T1 chưa trả bất kỳ khoản tiền vốn nào cho ông P. Như vậy, có cơ sở xác định, anh T và chị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay của ông P. Do đó, ông P yêu cầu anh T và chị T1 liên đới trả cho ông P số tiền vốn là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 298, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận.

Về lãi suất: Đối với khoản tiền lãi đã nhận và khoản tiền lãi thỏa thuận ông P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó, anh T phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với các khoản vay của ông P.

Từ những phân tích đã nêu trên, ông Nguyễn Hoàng P yêu cầu anh Lê Hoàng T và chị Châu Thị T1 liên đới trả cho ông P số tiền vốn là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Xét ý kiến của chị Châu Thị T1 là đồng ý liên đới với anh Lê Hoàng T trả cho ông P số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

Xét thấy, như phần phân tích nêu trên, ý kiến của chị T1 là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình về quan điểm giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P nên anh T và chị T1 liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 122, Điều 298, Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng P.

Buộc anh Lê Hoàng T và chị Châu Thị T1 liên đới trả cho ông Nguyễn Hoàng P số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Buộc anh Lê Hoàng T và chị Châu Thị T1 phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Trả cho ông Nguyễn Hoàng P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số BI/2019/0006852 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên